The alphabet

Nghe tên chữ cái, chỉ vào chữ và đọc theo.

Aa	Bb	Cc	Dd	Ee	Ff	Gg	Hh	Ii
Jj	Kk	Ll	Mm	Nn	Oo	Pp	Qq	Rr
Ss	Tt	Uu	Vv	Ww	Xx	Yy	Zz	

A B C ... What's next?

LIVEWORKSHEETS

What's your name?

Hỏi tên và trả lời bằng tên của mình.



A: What's your name?

B: My name's Mai.

Your turn!

My name's _____.

LIVEWORKSHEETS

How do you spell your name?

Đánh vần tên bằng tên các chữ cái tiếng Anh.

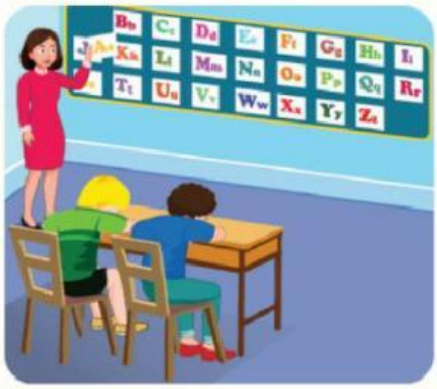

A: How do you spell your name?

B: M-A-I.

Mai

How do you spell “Mai”? M-A-I.

LIVEWORKSHEETS

Name and spelling practice

Chọn một tên. Đóng vai hỏi và trả lời, rồi dùng tên thật.

Mai	Tom	Alfie
M-A-I	T-O-M	A-L-F-I-E

A: What's your name?

B: My name's _____.

A: How do you spell your name?

B: __ - __ - __ ...

LIVEWORKSHEETS

Homework: Record your voice

Ghi âm cả câu hỏi và câu trả lời. Đọc mẫu, rồi thay bằng tên thật.

1 **What's your name?**

My name's Mai.

2 **How do you spell your name?**

M-A-I.

Dùng tên của bé. Đọc chậm, rõ và gửi một bản ghi âm.

LIVEWORKSHEETS